

ĐIỂM BÌNH QUÂN THI THPT QUỐC GIA 2017

STT	TRƯỜNG	Toán	Văn	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	CD	Anh	Pháp	Trung	Đức	Nhật
1	THPT Trưng Vương	6.80	6.10	6.15	5.49	4.74	5.33	6.95	8.09	7.45				6.95
2	THPT Bùi Thị Xuân	7.78	6.29	6.68	6.35	5.79	6.12	7.03	8.46	8.12				
3	THPT Tenloman	5.56	5.53	4.81	4.73	4.23	4.21	6.15	7.81	5.62				4.80
4	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	8.07	6.44	6.37	7.03	6.50	5.92	7.05	8.56	8.79				8.60
5	THPT Lương Thế Vinh	6.79	6.28	5.93	5.64	4.99	6.11	7.50	8.40	7.75				
6	Năng Khiếu Thể dục thể thao	4.05	5.02	4.21	3.62	3.73	3.87	5.32	7.90	4.05				
7	THPT Giồng Ông Tố	5.98	6.15	5.12	4.72	4.71	4.06	6.10	7.79	5.78				4.20
8	THPT Thủ Thiêm	5.08	5.84	4.72	4.02	3.91	3.67	5.17	7.07	4.77				
9	THPT Lê Quý Đôn	7.13	6.45	6.47	5.75	5.43	5.31	7.14	8.31	8.14				7.89
10	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	7.33	6.29	6.05	6.25	5.48	5.28	6.98	8.27	8.15	5.39			8.20
11	THPT Marie Curie	5.95	5.88	5.64	5.12	4.70	4.99	6.44	8.01	7.03	4.44			5.30
12	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	4.67	5.52	4.39	4.28	4.41	4.56	6.08	7.52	5.42				
13	THPT Nguyễn Thị Diệu	5.67	5.81	5.33	5.10	4.34	4.53	6.90	8.00	6.31				
14	THPT Nguyễn Trãi	5.96	6.52	5.83	4.58	4.67	4.91	6.49	8.24	6.48				
15	THPT Nguyễn Hữu Thọ	4.59	6.03	4.68	4.03	4.04	4.07	6.02	7.67	4.91				
16	THPT chuyên Lê Hồng Phong	8.21	6.82	6.91	7.73	6.78	6.16	7.64	8.57	8.72	7.07	9.58		8.80
17	THPT Hùng Vương	6.39	6.21	5.53	5.37	5.02	5.02	6.75	8.11	6.57		8.16		8.30
18	THPT Trần Khai Nguyên	6.96	6.21	6.21	6.41	5.26	5.79	7.34	8.64	7.07		8.46		6.20
19	Phổ thông Năng khiếu	8.16	5.91	6.43	7.57	7.10	6.27	7.68	8.59	8.82			8.40	
20	THPT Thực hành Đại học Sư phạm	7.72	6.33	6.72	6.18	5.95	5.63	7.34	8.80	8.50				
21	THPT Trần Hữu Trang	5.27	5.43	5.17	5.13	4.64	5.37	6.70	8.42	5.44		9.07		
22	THPT Đại học Sài Gòn	7.06	6.49	5.83	5.99	5.52	5.52	7.12	8.43	7.66		9.20		
23	THPT Mạc Đĩnh Chi	7.33	5.95	6.04	6.69	5.55	5.22	6.97	7.97	7.35		8.80		
24	THPT Bình Phú	6.19	6.15	5.91	5.56	4.87	4.92	6.96	8.19	6.38		6.40		

STT	TRƯỜNG	Toán	Văn	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	CD	Anh	Pháp	Trung	Đức	Nhật
25	THPT Nguyễn Tất Thành	5.17	5.58	5.13	4.90	4.07	4.55	6.20	8.22	4.99		6.60		
26	THPT Lê Thánh Tôn	5.22	5.91	4.76	5.37	4.70	4.45	6.16	8.08	4.99				
27	THPT Ngô Quyền	6.18	6.21	5.40	5.09	4.98	5.34	7.16	8.60	6.11				6.00
28	THPT Tân Phong	4.59	5.52	4.36	4.42	3.99	4.32	5.98	8.38	4.49				
29	THPT Nam Sài Gòn	6.05	5.24	6.63	5.74	5.70	5.08	7.21	8.73	6.75				
30	THPT Lương Văn Can	5.38	5.72	5.31	4.88	4.70	4.80	6.32	8.32	5.05				
31	THPT Ngô Gia Tự	4.93	5.61	4.72	4.68	4.85	4.53	5.75	7.29	4.37		7.28		
32	THPT Tạ Quang Bửu	5.47	5.82	5.37	5.09	4.31	4.33	6.45	8.05	4.98				
33	THPT NKDĐT Nguyễn Thị Định	4.29	5.02	4.15	3.91	3.87	4.18	6.38	7.52	4.01				
34	THPT Nguyễn Văn Linh	4.55	5.20	4.53	3.86	4.26	3.66	5.51	7.32	3.87				
35	THPT Nguyễn Huệ	6.01	5.94	5.77	5.61	4.95	4.38	6.87	8.07	5.88				
36	THPT Phước Long	5.91	5.57	5.62	5.05	4.09	4.60	6.37	7.86	5.58				
37	THPT Long Trường	4.87	5.24	4.96	4.71	4.37	4.43	5.94	7.63	4.44				
38	THPT Nguyễn Văn Tăng	5.07	5.34	4.01	4.52	4.28	4.18	6.14	7.39	4.22				
39	THPT Nguyễn Khuyến	7.14	5.91	6.19	5.99	5.76	5.52	7.17	8.41	7.50		8.20		8.00
40	THPT Nguyễn Du	7.14	5.96	6.14	5.72	5.32	5.65	7.47	8.17	7.71				
41	THPT Nguyễn An Ninh	5.34	5.30	5.00	4.73	4.72	4.58	6.58	8.39	5.45		7.60		
42	THPT Sương Nguyệt Anh	5.25	4.97	4.38	3.85	4.38	4.39	6.47	7.63	4.94				
43	THPT Diên Hồng	5.46	5.20	4.99	4.72	4.68	4.38	6.16	7.91	5.16		7.40		
44	THPT Nguyễn Hiền	6.71	6.02	6.24	6.26	5.04	5.56	7.17	8.60	7.08		8.60		
45	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	5.94	5.78	5.80	5.63	4.84	4.38	6.37	8.30	5.57		8.00		
46	THPT Trần Quang Khải	5.90	5.76	5.33	5.11	4.52	5.05	6.92	8.18	5.98		8.04		
47	THPT Võ Trường Toản	6.72	5.94	5.91	5.50	4.79	5.24	7.23	8.38	6.72				4.53
48	THPT Thạnh Lộc	5.44	6.19	5.37	5.22	4.89	5.04	6.43	8.31	4.85				
49	THPT Trường Chinh	5.72	6.26	5.46	5.43	4.49	4.55	6.63	8.47	5.41				
50	THPT Gò Vấp	5.94	6.16	5.14	4.60	4.50	4.32	6.32	7.62	6.07				

STT	TRƯỜNG	Toán	Văn	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	CD	Anh	Pháp	Trung	Đức	Nhật
51	THPT Nguyễn Trung Trực	4.94	5.98	4.25	4.14	4.29	4.25	6.10	7.73	4.93				
52	THPT Nguyễn Công Trứ	7.49	6.25	6.46	6.01	5.27	5.88	7.06	8.37	7.60				7.90
53	THPT Trần Hưng Đạo	6.84	6.16	5.92	5.32	4.80	4.80	6.73	7.91	6.39				
54	THPT Nguyễn Thượng Hiền	8.07	6.47	6.57	6.62	5.88	5.98	7.21	8.77	8.52				
55	THPT Nguyễn Thái Bình	5.83	6.00	5.42	4.84	4.44	4.49	6.50	7.93	6.18		9.00		
56	THPT Nguyễn Chí Thanh	6.41	6.30	5.77	5.38	4.92	5.02	6.73	8.18	6.84				
57	THPT Lý Tự Trọng	4.06	5.49	4.71	4.21	3.82	4.11	5.74	7.43	4.19				
58	THPT Tân Bình	5.91	6.05	5.38	5.21	4.55	4.61	6.45	8.13	5.82		9.20		
59	THPT Trần Phú	7.45	6.50	6.43	6.14	5.36	6.18	7.38	8.27	7.59		7.70		6.87
60	THPT Tây Thạnh	6.79	6.16	5.88	5.62	4.93	5.30	7.21	8.08	6.57				
61	THPT Thanh Đa	4.88	5.42	4.93	4.39	4.18	4.15	6.08	7.49	4.47				
62	THPT Võ Thị Sáu	6.27	5.96	5.63	5.61	4.66	5.58	6.67	8.29	6.95				
63	THPT Phan Đăng Lưu	5.09	5.60	4.66	4.38	4.23	4.19	6.22	7.50	5.32				6.40
64	THPT Hoàng Hoa Thám	6.17	6.08	5.51	5.27	4.59	4.95	7.08	8.29	6.95		7.60		
65	THPT Gia Định	7.55	6.09	6.46	5.94	5.11	5.19	6.90	8.12	8.02				
66	THPT Trần Văn Giàu	5.34	5.79	5.48	5.50	4.72	4.85	6.67	8.15	5.59				
67	THPT Phú Nhuận	7.36	6.39	6.43	5.90	5.15	5.43	6.98	8.37	7.94				8.30
68	THPT Hàn Thuyên	5.66	5.92	5.40	5.04	4.33	4.48	6.48	7.86	5.47				6.90
69	THPT Nguyễn Hữu Huân	7.29	5.79	6.57	6.45	5.40	5.38	7.11	8.17	7.50				
70	THPT Hiệp Bình	5.46	5.29	5.20	4.86	4.46	4.73	6.60	8.35	5.33				
71	THPT Thủ Đức	6.51	5.65	5.88	5.54	4.93	5.33	7.09	8.57	6.42				
72	THPT Tam Phú	5.65	5.34	5.08	5.21	4.63	4.33	6.32	8.08	5.56				
73	THPT Đào Sơn Tây	5.15	5.41	4.85	4.85	4.20	3.99	5.53	7.52	4.48				
74	THPT An Lạc	5.60	5.96	4.98	5.01	4.24	4.19	6.17	8.02	4.94		6.60		
75	THPT Vĩnh Lộc	5.16	6.29	4.47	4.69	4.39	4.05	6.13	7.74	4.28				
76	THPT Bình Hưng Hòa	5.23	5.95	4.75	4.23	4.17	4.58	6.19	7.64	4.23		3.40		

STT	TRƯỜNG	Toán	Văn	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	CD	Anh	Pháp	Trung	Đức	Nhật
77	THPT Nguyễn Hữu Cánh	6.03	6.53	5.76	5.77	5.01	6.07	6.61	8.57	5.49		7.90		
78	THPT Bình Tân	4.77	5.14	4.54	4.32	4.06	3.60	5.49	7.52	4.14				
79	THPT Đa Phước	5.33	5.86	5.41	5.38	4.97	4.89	6.07	8.24	4.63				
80	THPT Lê Minh Xuân	5.77	5.52	5.64	5.41	5.12	4.98	6.69	8.07	4.97				
81	THPT Bình Chánh	5.30	5.31	4.90	5.71	4.53	4.56	6.06	7.91	4.68				
82	THPT Tân Túc	5.33	5.61	5.04	4.85	4.45	5.08	6.61	8.17	4.41				
83	THPT Vĩnh Lộc B	5.20	5.18	4.92	5.18	5.06	4.54	6.30	8.25	4.11				
84	THPT Củ Chi	6.13	5.69	5.46	5.80	4.90	4.65	6.48	8.19	5.40				
85	THPT Trung Phú	5.74	5.96	5.20	4.94	4.78	5.26	6.90	8.30	5.48		8.40		
86	THPT Quang Trung	5.68	6.09	5.22	5.08	4.82	4.67	6.57	8.03	4.80				
87	THPT Trung Lập	5.12	5.40	4.89	5.62	4.43	4.93	6.55	8.21	4.12				
88	THPT An Nhơn Tây	5.25	6.02	5.49	5.21	4.85	4.99	6.63	8.18	4.99				
89	THPT Tân Thông Hội	5.64	5.79	5.29	5.64	5.00	4.78	6.61	8.15	4.75				
90	THPT Phú Hòa	5.36	5.65	4.91	4.36	4.95	4.56	6.28	7.95	4.15				
91	THPT Lý Thường Kiệt	6.01	6.23	5.87	5.30	4.95	4.79	6.41	8.12	6.01				
92	THPT Nguyễn Hữu Cầu	7.37	6.44	6.42	6.37	5.76	5.52	7.47	8.44	7.33				
93	THPT Bà Điểm	6.16	6.24	5.48	5.88	4.84	4.91	6.49	8.16	5.63				5.60
94	THPT Nguyễn Văn Cừ	5.53	6.04	4.45	4.61	4.64	4.50	6.15	7.44	4.67				
95	THPT Nguyễn Hữu Tiến	5.48	6.11	5.02	4.87	4.67	4.43	6.74	8.06	5.31				
96	THPT Phạm Văn Sáng	5.15	6.18	4.59	4.72	4.48	4.61	6.30	8.20	4.65				
97	THPT Long Thới	5.57	5.48	5.43	4.84	4.42	4.60	6.82	8.35	4.38				
98	THPT Phước Kiển	4.44	5.05	4.14	4.29	4.02	3.89	5.99	8.13	3.78				
99	THPT Dương Văn Dương	4.57	5.39	4.81	4.39	4.27	3.97	5.81	7.85	4.18				
100	THPT Cần Thạnh	5.71	5.89	5.13	5.77	5.23	4.88	6.19	8.19	5.05				
101	THPT Bình Khánh	5.23	5.99	4.88	5.09	4.70	5.66	6.64	7.97	4.38				
102	THPT An Nghĩa	5.39	6.15	5.46	5.41	5.14	4.73	6.53	8.08	4.13				

STT	TRƯỜNG	Toán	Văn	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	CD	Anh	Pháp	Trung	Đức	Nhật
103	Phổ thông Năng khiếu Thể thao Olympic	4.88	3.93	3.85	3.44	3.47	4.60	5.88	7.60	3.83				
104	THCS và THPT Đặng Khoa	4.42	5.21	5.27	4.00	4.10	4.52	6.06	7.99	4.66				
105	TiH THCS và THPT Quốc tế á Châu	6.27	6.10	6.14	5.80	5.61	5.62	7.04	8.29	7.19				
106	Song ngữ Quốc tế Horizon	5.09	5.15	4.10	5.05	5.45	4.50	6.21	8.29	6.85				
107	THCS, THPT Châu á Thái Bình Dương	5.43	5.68	4.56	4.31	4.22	4.17	5.38	7.25	6.00				
108	TiH, THCS và THPT úc Châu	4.80	5.00	5.25	4.50	5.25	4.00	6.67	8.04	7.40				
109	THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm	5.03	5.51	4.62	4.63	5.08	4.69	5.82	7.91	4.58				
110	THCS THPT An Đông	5.22	5.42	5.00	4.63	4.52	4.57	6.27	8.11	5.36				
111	THPT Thăng Long	5.18	5.65	5.24	4.81	4.53	4.81	6.24	8.28	4.49				
112	THPT Văn Lang	5.77	6.14	5.51	6.20	5.65	5.81	6.83	8.72	6.44		9.05		
113	THCS THPT Quang Trung Nguyễn Huệ	5.24	5.28	4.79	4.91	4.55	4.99	6.24	7.56	4.98				
114	THCS THPT Phan Bội Châu	2.97	3.60	3.44	2.88	3.31	2.34	4.06	6.22	3.82				
115	THPT Quốc Trí	3.89	5.28	3.15	3.01	3.50	3.73	5.00	7.22	3.87				8.60
116	THCS và THPT Đào Duy Anh	4.23	4.40	4.42	3.89	3.85	3.68	5.16	7.04	3.75				
117	THPT Phú Lâm	4.62	5.40	4.49	4.68	4.04	4.53	5.72	7.96	4.03				
118	THCS và THPT Đình Thiện Lý	6.67	5.55	6.41	6.68	5.46	5.86	7.55	8.65	8.39				
119	THCS và THPT Sao Việt	5.86	5.41	5.08	5.21	5.64	5.56	6.77	7.91	6.16				
120	THCS và THPT Đức Trí	6.08	5.55	5.50	5.05	4.81	4.88	6.82	8.02	6.13				
121	TiH THCS và THPT quốc tế Canada	5.28	5.04	5.40	4.70	4.95	5.66	7.84	8.47	7.60				
122	TiH THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	5.87	5.64	5.26	4.58	4.54	4.85	6.67	7.77	4.64				
123	THCS và THPT Hoa Sen	4.81	5.28	4.39	4.41	3.98	3.62	5.22	7.10	4.12				

STT	TRƯỜNG	Toán	Văn	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	CD	Anh	Pháp	Trung	Đức	Nhật
124	TiH THCS và THPT Vạn Hạnh	5.15	5.53	4.61	4.58	4.25	0.00	0.00	0.00	5.16				
125	THCS, THPT Duy Tân	4.73	5.63	5.17	5.21	5.13	5.09	6.63	8.19	5.28				
126	TiH THCS và THPT Việt úc	6.29	5.60	5.78	5.62	5.34	5.73	7.66	8.42	8.16				
127	TiH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	5.92	5.68	5.26	5.62	4.84	4.92	6.25	8.20	5.79		9.30		
128	THPT Trần Nhân Tông	4.64	4.99	5.05	5.07	4.22	4.14	5.50	7.89	3.67				
129	THPT Trần Quốc Tuấn	4.03	4.52	4.00	3.88	3.92	3.69	5.89	7.47	3.50		6.60		
130	THPT Việt Mỹ Anh	5.48	4.95	3.75	3.25	2.75	4.83	6.53	8.16	5.73				
131	THCS THPT Bắc Sơn	5.63	6.23	5.63	5.26	4.45	4.60	6.45	7.87	4.21				
132	THCS và THPT Lạc Hồng	4.57	5.25	5.42	4.41	3.95	4.01	5.56	7.63	3.90				
133	THCS và THPT Hoa Lư	4.45	4.90	4.93	4.28	4.43	4.28	6.30	7.43	4.02				
134	TiH THCS và THPT Mỹ Việt	6.15	4.94	5.67	5.50	4.12	0.00	0.00	0.00	4.45				
135	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	4.65	5.99	5.27	5.02	5.72	5.51	6.40	8.13	4.00				
136	Phổ thông DL Hermann Gmeiner	4.60	5.58	5.29	4.59	5.09	4.14	6.84	8.03	4.65				
137	THCS THPT Bạch Đằng	4.45	5.00	4.82	3.39	3.82	3.75	5.78	7.72	4.40				
138	THCS THPT Hồng Hà	5.50	5.39	5.08	4.74	4.48	5.08	6.45	8.42	4.98				
139	THPT Việt Âu	6.14	5.52	5.33	5.37	4.63	4.38	6.25	6.63	4.24				
140	THPT Đông Dương	6.72	6.00	5.88	4.86	4.48	6.19	7.45	8.43	5.06				
141	THPT Lý Thái Tổ	4.77	5.81	4.31	4.27	4.06	4.75	6.56	7.63	4.13				
142	THPT Đào Duy Từ	4.71	5.06	4.45	4.10	3.88	4.00	5.88	7.42	3.93				
143	TiH THCS và THPT Nguyễn Tri Phương	4.40	4.75	4.14	4.03	3.83	4.63	6.19	7.78	4.83				
144	THCS và THPT Nguyễn Khuyến	8.34	6.28	7.14	7.30	5.70	0.00	0.00	0.00	6.92				
145	THCS THPT Thái Bình	6.23	6.29	5.45	5.57	4.36	6.01	7.70	7.63	5.69				
146	TiH, THCS và THPT Thanh Bình	5.57	5.92	5.08	4.61	4.25	3.77	5.27	7.31	5.16				
147	THCS THPT Việt Thanh	5.34	5.53	5.29	4.70	4.61	4.60	6.06	8.02	4.71				

STT	TRƯỜNG	Toán	Văn	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	CD	Anh	Pháp	Trung	Đức	Nhật
148	TiH THCS và THPT Thái Bình Dương	5.83	5.57	5.04	4.46	5.29	5.50	6.25	8.50	8.00				
149	THCS và THPT Bắc ái	4.08	4.93	4.23	4.80	3.89	4.21	5.96	8.08	4.59				
150	THPT Hai Bà Trưng	6.10	5.68	5.78	5.49	4.68	5.20	6.98	7.39	4.17				
151	THPT Thủ Khoa Huân	5.43	5.33	5.80	6.36	4.17	4.36	5.41	6.98	4.08				
152	THPT Huỳnh Thúc Kháng	6.08	5.07	4.92	5.02	4.78	5.50	7.00	7.00	4.07				
153	THCS THPT Hồng Đức	5.69	5.92	5.17	5.07	4.62	4.29	6.23	8.13	4.95				
154	THCS và THPT Nhân Văn	5.49	5.87	6.13	5.77	5.41	5.69	6.60	8.32	4.59				
155	THCS và THPT Trí Đức	5.23	5.37	5.14	4.94	4.09	4.75	6.72	8.26	4.63				
156	TiH THCS và THPT Hoà Bình	4.86	4.89	4.65	4.22	4.03	5.08	6.00	8.12	4.89				
157	THPT Vĩnh Viễn	5.64	5.45	5.34	4.34	4.46	4.75	6.50	8.41	4.43				
158	TiH THCS và THPT Quốc Văn Sài Gòn	6.39	5.81	5.89	5.69	4.89	5.32	6.50	8.36	5.52				
159	THPT Minh Đức	5.49	5.13	4.52	4.32	3.56	3.25	5.50	6.50	3.53				
160	THCS THPT Tân Phú	5.41	5.52	5.39	4.70	3.86	0.00	0.00	0.00	4.68				
161	THPT Trần Quốc Toản	4.29	5.48	5.75	4.81	6.13	3.89	6.20	7.80	4.59				
162	THCS và THPT Khai Minh	5.93	5.99	5.83	5.24	4.80	5.39	7.26	8.29	5.11				
163	THCS và THPT Đình Tiên Hoàng	5.10	5.25	5.19	5.48	4.91	4.23	6.19	7.96	4.08				
164	THPT An Dương Vương	7.78	5.37	6.98	6.47	5.10	0.00	0.00	0.00	6.66				
165	THPT Nhân Việt	6.34	5.25	6.52	6.16	3.86	5.74	6.64	8.07	4.73				
166	THPT Thành Nhân	7.47	5.85	6.49	6.49	5.16	0.00	0.00	0.00	5.42				
167	THCS, THPT Nam Việt	5.46	5.28	4.78	4.27	4.71	3.75	5.09	6.92	3.81				
168	THPT Trần Cao Vân	4.96	5.88	5.13	4.67	4.54	4.93	6.45	8.16	4.71				
169	THPT Hưng Đạo	4.96	5.61	4.50	5.55	4.67	0.00	0.00	0.00	3.81				
170	THPT Đông Đô	4.95	5.68	5.70	4.87	3.87	5.89	6.83	8.44	5.29				
171	THPT Lam Sơn	4.28	4.85	4.21	4.63	3.95	3.52	6.04	7.79	4.10				
172	TiH, THCS và THPT Quốc tế	4.83	5.57	4.08	4.92	4.50	4.83	6.67	8.47	2.24				

STT	TRƯỜNG	Toán	Văn	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	CD	Anh	Pháp	Trung	Đức	Nhật
173	TiH, THCS, THPT Việt Mỹ	5.41	5.42	5.14	4.78	4.81	4.96	6.25	7.89	7.41				
174	THCS và THPT Việt Anh	5.05	5.46	4.14	4.25	4.06	4.04	6.07	7.70	5.78				
175	THPT Bách Việt	6.53	5.35	4.85	5.17	4.42	0.00	0.00	0.00	4.51				
176	THCS, THPT Ngôi Sao	6.79	6.75	6.19	5.65	5.67	5.45	7.80	8.36	6.93				
177	THCS và THPT Phan Châu Trinh	5.06	5.54	4.89	5.36	4.42	4.80	6.76	7.68	4.34				
178	TiH THCS và THPT Chu Văn An	5.56	6.02	5.19	5.34	4.77	4.11	6.48	7.93	4.78				
179	THPT Hàm Nghi	5.36	5.56	4.58	4.75	4.19	4.38	6.88	8.06	3.76				
180	THCS và THPT Bắc Mỹ	5.48	5.35	5.05	4.50	5.10	4.88	6.75	8.28	7.48				
181	THPT Phùng Hưng	4.29	4.71	4.17	4.04	4.29	5.45	6.50	7.90	3.63				
182	TiH THCS và THCS Albert Einstein	4.86	5.71	4.50	5.25	5.58	5.88	7.25	7.88	5.40				
183	TiH, THCS và THPT Tây Úc	4.88	5.38	5.45	4.75	4.30	4.93	7.10	8.35	6.09				
	Bình quân	5.66	5.67	5.26	5.08	4.69	4.58	6.20	7.65	5.46				

ĐIỂM BÌNH QUÂN THI THPT QUỐC GIA VÀ ĐIỂM TRUNG BÌNH LỚP 12

STT	TRƯỜNG	ĐTB Lớp 12	BQ các môn thi	Độ lệch	TOÁN	VĂN	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	NN
1	THPT Quốc Trí	8.14	4.30	3.83	3.89	5.28	3.15	3.01	3.50	3.73	5.00	7.22	3.93
2	THCS THPT Phan Bội Châu	7.24	3.63	3.62	2.97	3.60	3.44	2.88	3.31	2.34	4.06	6.22	3.82
3	TiH THCS và THPT Vạn Hạnh	8.32	4.88	3.44	5.15	5.53	4.61	4.58	4.25				5.16
4	THCS THPT Bạch Đằng	8.15	4.79	3.35	4.45	5.00	4.82	3.39	3.82	3.75	5.78	7.72	4.40
5	THPT Phước Kiển	8.19	4.86	3.33	4.44	5.05	4.14	4.29	4.02	3.89	5.99	8.13	3.78
6	THPT Trần Quốc Tuấn	7.85	4.56	3.29	4.03	4.52	4.00	3.88	3.92	3.69	5.89	7.47	3.64
7	THCS và THPT Hoa Sen	7.84	4.77	3.06	4.81	5.28	4.39	4.41	3.98	3.62	5.22	7.10	4.12
8	Phổ thông Năng khiếu Thể thao Olympic	7.65	4.61	3.04	4.88	3.93	3.85	3.44	3.47	4.60	5.88	7.60	3.83
9	THCS và THPT Đào Duy Anh	7.48	4.49	2.99	4.23	4.40	4.42	3.89	3.85	3.68	5.16	7.04	3.75
10	TiH, THCS và THPT Quốc tế	8.09	5.12	2.97	4.83	5.57	4.08	4.92	4.50	4.83	6.67	8.47	2.24
11	THCS, THPT Nam Việt	7.86	4.90	2.96	5.46	5.28	4.78	4.27	4.71	3.75	5.09	6.92	3.81
12	TiH THCS và THPT Nguyễn Tri Phương	7.88	4.95	2.93	4.40	4.75	4.14	4.03	3.83	4.63	6.19	7.78	4.83
13	THCS và THPT Lạc Hồng	7.87	4.97	2.90	4.57	5.25	5.42	4.41	3.95	4.01	5.56	7.63	3.90
14	TiH THCS và THPT Mỹ Việt	8.01	5.14	2.87	6.15	4.94	5.67	5.50	4.12				4.45
15	TiH, THCS và THPT Thanh Bình	8.08	5.21	2.87	5.57	5.92	5.08	4.61	4.25	3.77	5.27	7.31	5.16
16	THPT Trần Nhân Tông	7.87	5.02	2.85	4.64	4.99	5.05	5.07	4.22	4.14	5.50	7.89	3.67
17	THPT Bách Việt	7.96	5.14	2.82	6.53	5.35	4.85	5.17	4.42				4.51
18	THPT Minh Đức	7.42	4.64	2.77	5.49	5.13	4.52	4.32	3.56	3.25	5.50	6.50	3.53
19	THPT Lam Sơn	7.59	4.82	2.77	4.28	4.85	4.21	4.63	3.95	3.52	6.04	7.79	4.10
20	THCS và THPT Bắc ái	7.71	4.97	2.74	4.08	4.93	4.23	4.80	3.89	4.21	5.96	8.08	4.59
21	THPT Hưng Đạo	7.57	4.85	2.72	4.96	5.61	4.50	5.55	4.67				3.81
22	THCS THPT Tân Phú	7.62	4.93	2.70	5.41	5.52	5.39	4.70	3.86				4.68
23	THPT Phùng Hưng	7.69	5.00	2.69	4.29	4.71	4.17	4.04	4.29	5.45	6.50	7.90	3.63

STT	TRƯỜNG	ĐTB Lớp 12	BQ các môn thi	Độ lệch	TOÁN	VĂN	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	NN
24	THPT Việt Mỹ Anh	7.73	5.05	2.68	5.48	4.95	3.75	3.25	2.75	4.83	6.53	8.16	5.73
25	THPT Thanh Đa	7.77	5.11	2.66	4.88	5.42	4.93	4.39	4.18	4.15	6.08	7.49	4.47
26	THCS và THPT Hoa Lư	7.64	5.00	2.64	4.45	4.90	4.93	4.28	4.43	4.28	6.30	7.43	4.02
27	THPT Nguyễn Văn Linh	7.38	4.75	2.63	4.55	5.20	4.53	3.86	4.26	3.66	5.51	7.32	3.87
28	THCS và THPT Đặng Khoa	7.76	5.14	2.62	4.42	5.21	5.27	4.00	4.10	4.52	6.06	7.99	4.66
29	THPT Việt Âu	7.93	5.39	2.55	6.14	5.52	5.33	5.37	4.63	4.38	6.25	6.63	4.24
30	THCS và THPT Trí Đức	8.00	5.46	2.54	5.23	5.37	5.14	4.94	4.09	4.75	6.72	8.26	4.63
31	THPT Trung Phú	8.36	5.84	2.52	5.74	5.96	5.20	4.94	4.78	5.26	6.90	8.30	5.49
32	THCS THPT Bắc Sơn	8.11	5.59	2.51	5.63	6.23	5.63	5.26	4.45	4.60	6.45	7.87	4.21
33	TiH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	8.34	5.83	2.51	5.92	5.68	5.26	5.62	4.84	4.92	6.25	8.20	5.80
34	THCS THPT Hồng Hà	8.07	5.57	2.49	5.50	5.39	5.08	4.74	4.48	5.08	6.45	8.42	4.98
35	TiH THCS và THPT Hoà Bình	7.69	5.19	2.49	4.86	4.89	4.65	4.22	4.03	5.08	6.00	8.12	4.89
36	TiH, THCS và THPT Úc Châu	8.13	5.66	2.47	4.80	5.00	5.25	4.50	5.25	4.00	6.67	8.04	7.40
37	THPT Tenloman	7.87	5.41	2.47	5.56	5.53	4.81	4.73	4.23	4.21	6.15	7.81	5.62
38	THCS và THPT Việt Anh	7.63	5.17	2.46	5.05	5.46	4.14	4.25	4.06	4.04	6.07	7.70	5.78
39	THPT NKTDĐT Nguyễn Thị Định	7.27	4.81	2.45	4.29	5.02	4.15	3.91	3.87	4.18	6.38	7.52	4.01
40	THPT Thăng Long	7.89	5.47	2.42	5.18	5.65	5.24	4.81	4.53	4.81	6.24	8.28	4.49
41	TiH, THCS và THPT Tây Úc	8.11	5.69	2.42	4.88	5.38	5.45	4.75	4.30	4.93	7.10	8.35	6.09
42	THPT Phú Hòa	7.77	5.35	2.42	5.36	5.65	4.91	4.36	4.95	4.56	6.28	7.95	4.15
43	THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm	7.73	5.32	2.41	5.03	5.51	4.62	4.63	5.08	4.69	5.82	7.91	4.58
44	THPT Đào Duy Từ	7.22	4.82	2.40	4.71	5.06	4.45	4.10	3.88	4.00	5.88	7.42	3.93
45	THPT Nguyễn Trung Trực	7.58	5.18	2.40	4.94	5.98	4.25	4.14	4.29	4.25	6.10	7.73	4.93
46	TiH THCS và THCS Albert Einstein	8.20	5.81	2.39	4.86	5.71	4.50	5.25	5.58	5.88	7.25	7.88	5.40
47	THPT Thủ Khoa Huân	7.70	5.32	2.37	5.43	5.33	5.80	6.36	4.17	4.36	5.41	6.98	4.08
48	THPT Tam Phú	7.95	5.58	2.37	5.65	5.34	5.08	5.21	4.63	4.33	6.32	8.08	5.56

STT	TRƯỜNG	ĐTB Lớp 12	BQ các môn thi	Độ lệch	TOÁN	VĂN	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	NN
49	THPT Hàm Nghi	7.62	5.28	2.34	5.36	5.56	4.58	4.75	4.19	4.38	6.88	8.06	3.76
50	THCS và THPT Khai Minh	8.31	5.98	2.33	5.93	5.99	5.83	5.24	4.80	5.39	7.26	8.29	5.11
51	THPT Bình Tân	7.15	4.84	2.31	4.77	5.14	4.54	4.32	4.06	3.60	5.49	7.52	4.14
52	THPT Long Trường	7.48	5.18	2.31	4.87	5.24	4.96	4.71	4.37	4.43	5.94	7.63	4.44
53	THPT Lương Văn Can	7.89	5.61	2.28	5.38	5.72	5.31	4.88	4.70	4.80	6.32	8.32	5.05
54	TiH THCS và THPT Chu Văn An	7.84	5.58	2.27	5.56	6.02	5.19	5.34	4.77	4.11	6.48	7.93	4.78
55	THCS THPT Quang Trung Nguyễn Huệ	7.66	5.39	2.26	5.24	5.28	4.79	4.91	4.55	4.99	6.24	7.56	4.98
56	THPT Lý Thái Tổ	7.41	5.14	2.26	4.77	5.81	4.31	4.27	4.06	4.75	6.56	7.63	4.13
57	THPT Tân Phong	7.37	5.12	2.25	4.59	5.52	4.36	4.42	3.99	4.32	5.98	8.38	4.49
58	THPT Thủ Thiêm	7.17	4.92	2.25	5.08	5.84	4.72	4.02	3.91	3.67	5.17	7.07	4.77
59	TiH THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	7.78	5.53	2.24	5.87	5.64	5.26	4.58	4.54	4.85	6.67	7.77	4.64
60	THCS và THPT Bắc Mỹ	8.12	5.87	2.24	5.48	5.35	5.05	4.50	5.10	4.88	6.75	8.28	7.48
61	THCS THPT Việt Thanh	7.65	5.43	2.22	5.34	5.53	5.29	4.70	4.61	4.60	6.06	8.02	4.71
62	THPT Sương Nguyệt Anh	7.35	5.14	2.21	5.25	4.97	4.38	3.85	4.38	4.39	6.47	7.63	4.94
63	THPT Lý Tự Trọng	7.08	4.86	2.21	4.06	5.49	4.71	4.21	3.82	4.11	5.74	7.43	4.19
64	TiH, THCS, THPT Việt Mỹ	7.99	5.79	2.21	5.41	5.42	5.14	4.78	4.81	4.96	6.25	7.89	7.41
65	THPT Giồng Ông Tố	7.80	5.60	2.20	5.98	6.15	5.12	4.72	4.71	4.06	6.10	7.79	5.78
66	THPT Bình Khánh	7.81	5.62	2.19	5.23	5.99	4.88	5.09	4.70	5.66	6.64	7.97	4.38
67	THCS và THPT Phan Châu Trinh	7.61	5.43	2.18	5.06	5.54	4.89	5.36	4.42	4.80	6.76	7.68	4.34
68	THCS, THPT Châu á Thái Bình Dương	7.40	5.22	2.18	5.43	5.68	4.56	4.31	4.22	4.17	5.38	7.25	6.00
69	THPT Long Thới	7.72	5.54	2.17	5.57	5.48	5.43	4.84	4.42	4.60	6.82	8.35	4.38
70	TiH THCS và THPT Thái Bình Dương	8.20	6.05	2.15	5.83	5.57	5.04	4.46	5.29	5.50	6.25	8.50	8.00
71	THPT Hai Bà Trưng	7.86	5.72	2.14	6.10	5.68	5.78	5.49	4.68	5.20	6.98	7.39	4.17
72	THPT An Nghĩa	7.80	5.67	2.13	5.39	6.15	5.46	5.41	5.14	4.73	6.53	8.08	4.13
73	TiH THCS và THPT Quốc Văn Sài Gòn	8.17	6.04	2.13	6.39	5.81	5.89	5.69	4.89	5.32	6.50	8.36	5.52

STT	TRƯỜNG	ĐTB Lớp 12	BQ các môn thi	Độ lệch	TOÁN	VĂN	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	NN
74	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	7.31	5.20	2.11	4.67	5.52	4.39	4.28	4.41	4.56	6.08	7.52	5.42
75	THPT Vĩnh Viễn	7.58	5.48	2.10	5.64	5.45	5.34	4.34	4.46	4.75	6.50	8.41	4.43
76	THPT Tân Túc	7.58	5.51	2.07	5.33	5.61	5.04	4.85	4.45	5.08	6.61	8.17	4.41
77	THPT Nguyễn Văn Tăng	7.06	5.02	2.05	5.07	5.34	4.01	4.52	4.28	4.18	6.14	7.39	4.22
78	THPT Gia Định	8.63	6.59	2.04	7.55	6.09	6.45	5.94	5.11	5.19	6.90	8.12	8.02
79	THPT Nguyễn Huệ	7.96	5.94	2.02	6.01	5.94	5.77	5.61	4.95	4.38	6.87	8.07	5.88
80	THPT Phú Lâm	7.07	5.05	2.02	4.62	5.40	4.49	4.68	4.04	4.53	5.72	7.96	4.03
81	THCS THPT Thái Bình	8.12	6.10	2.02	6.23	6.29	5.45	5.57	4.36	6.01	7.70	7.63	5.69
82	THPT Trần Cao Vân	7.51	5.49	2.02	4.96	5.88	5.13	4.67	4.54	4.93	6.45	8.16	4.71
83	THPT Trung Lập	7.49	5.48	2.01	5.12	5.40	4.89	5.62	4.43	4.93	6.55	8.21	4.12
84	THPT Bình Chánh	7.45	5.44	2.01	5.30	5.31	4.90	5.71	4.53	4.56	6.06	7.91	4.68
85	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	7.64	5.63	2.01	4.65	5.99	5.27	5.02	5.72	5.51	6.40	8.13	4.00
86	THCS THPT Hồng Đức	7.56	5.56	2.00	5.69	5.92	5.17	5.07	4.62	4.29	6.23	8.13	4.95
87	THPT Củ Chi	7.85	5.86	2.00	6.13	5.69	5.46	5.80	4.90	4.65	6.48	8.19	5.39
88	THPT Huỳnh Thúc Kháng	7.48	5.49	1.99	6.08	5.07	4.92	5.02	4.78	5.50	7.00	7.00	4.07
89	THPT Nguyễn Hữu Thọ	7.10	5.11	1.99	4.59	6.03	4.68	4.03	4.04	4.07	6.02	7.67	4.91
90	THPT Quang Trung	7.64	5.66	1.98	5.68	6.09	5.22	5.08	4.82	4.67	6.57	8.03	4.80
91	Năng Khiếu Thể dục thể thao	6.62	4.64	1.98	4.05	5.02	4.21	3.62	3.73	3.87	5.32	7.90	4.05
92	THCS THPT An Đông	7.39	5.46	1.94	5.22	5.42	5.00	4.63	4.52	4.57	6.27	8.11	5.36
93	THCS, THPT Duy Tân	7.61	5.67	1.93	4.73	5.63	5.17	5.21	5.13	5.09	6.63	8.19	5.28
94	THPT Diên Hồng	7.34	5.41	1.93	5.46	5.20	4.99	4.72	4.68	4.38	6.16	7.91	5.18
95	THPT An Lạc	7.37	5.46	1.92	5.60	5.96	4.98	5.01	4.24	4.19	6.17	8.02	4.94
96	Phổ thông DL Hermann Gmeiner	7.33	5.42	1.91	4.60	5.58	5.29	4.59	5.09	4.14	6.84	8.03	4.65
97	THCS và THPT Nhân Văn	7.89	5.99	1.91	5.49	5.87	6.13	5.77	5.41	5.69	6.60	8.32	4.59
98	THPT Ngô Gia Tự	7.09	5.19	1.90	4.93	5.61	4.72	4.68	4.85	4.53	5.75	7.29	4.40

STT	TRƯỜNG	ĐTB Lớp 12	BQ các môn thi	Độ lệch	TOÁN	VĂN	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	NN
99	THPT Đông Đô	7.61	5.72	1.89	4.95	5.68	5.70	4.87	3.87	5.89	6.83	8.44	5.29
100	THPT Đa Phước	7.53	5.64	1.88	5.33	5.86	5.41	5.38	4.97	4.89	6.07	8.24	4.63
101	THPT Vĩnh Lộc	7.12	5.24	1.88	5.16	6.29	4.47	4.69	4.39	4.05	6.13	7.74	4.28
102	THPT Dương Văn Dương	6.90	5.03	1.87	4.57	5.39	4.81	4.39	4.27	3.97	5.81	7.85	4.18
103	THCS và THPT Sao Việt	7.82	5.95	1.87	5.86	5.41	5.08	5.21	5.64	5.56	6.77	7.91	6.16
104	THPT Trần Hữu Trang	7.60	5.74	1.86	5.27	5.43	5.17	5.13	4.64	5.37	6.70	8.42	5.48
105	THPT Bình Hưng Hòa	7.06	5.22	1.85	5.23	5.95	4.75	4.23	4.17	4.58	6.19	7.64	4.23
106	THPT Thanh Lộc	7.59	5.75	1.84	5.44	6.19	5.37	5.22	4.89	5.04	6.43	8.31	4.85
107	THCS và THPT Đức Trí	7.69	5.87	1.82	6.08	5.55	5.50	5.05	4.81	4.88	6.82	8.02	6.13
108	THPT Phan Đăng Lưu	7.05	5.24	1.81	5.09	5.60	4.66	4.38	4.23	4.19	6.22	7.50	5.32
109	THPT Trần Hưng Đạo	7.89	6.10	1.79	6.84	6.16	5.92	5.32	4.80	4.80	6.73	7.91	6.39
110	TiH THCS và THPT quốc tế Canada	7.88	6.10	1.77	5.28	5.04	5.40	4.70	4.95	5.66	7.84	8.47	7.60
111	THPT Đào Sơn Tây	6.88	5.11	1.77	5.15	5.41	4.85	4.85	4.20	3.99	5.53	7.52	4.48
112	THPT Lê Minh Xuân	7.55	5.80	1.75	5.77	5.52	5.64	5.41	5.12	4.98	6.69	8.07	4.97
113	THPT Trần Văn Giàu	7.53	5.79	1.74	5.34	5.79	5.48	5.50	4.72	4.85	6.67	8.15	5.59
114	THPT Văn Lang	8.11	6.37	1.73	5.77	6.14	5.51	6.20	5.65	5.81	6.83	8.72	6.72
115	THPT Nguyễn Văn Cừ	7.07	5.34	1.73	5.53	6.04	4.45	4.61	4.64	4.50	6.15	7.44	4.67
116	TiH THCS và THPT Việt úc	8.24	6.51	1.72	6.29	5.60	5.78	5.62	5.34	5.73	7.66	8.42	8.16
117	THPT Bà Điểm	7.70	5.98	1.72	6.16	6.24	5.48	5.88	4.84	4.91	6.49	8.16	5.63
118	THPT Võ Thị Sáu	7.88	6.18	1.70	6.27	5.96	5.63	5.61	4.66	5.58	6.67	8.29	6.95
119	THPT Ngô Quyền	7.81	6.12	1.69	6.18	6.21	5.40	5.09	4.98	5.34	7.16	8.60	6.11
120	THPT Lê Quý Đôn	8.36	6.68	1.68	7.13	6.45	6.47	5.75	5.43	5.31	7.14	8.31	8.13
121	THPT An Dương Vương	8.06	6.39	1.67	7.78	5.37	6.98	6.47	5.10				6.66
122	THPT Gò Vấp	7.29	5.63	1.66	5.94	6.16	5.14	4.60	4.50	4.32	6.32	7.62	6.07
123	THPT Phước Long	7.29	5.63	1.66	5.91	5.57	5.62	5.05	4.09	4.60	6.37	7.86	5.58

STT	TRƯỜNG	ĐTB Lớp 12	BQ các môn thi	Độ lệch	TOÁN	VĂN	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	NN
124	THPT Nhân Việt	7.58	5.92	1.66	6.34	5.25	6.52	6.16	3.86	5.74	6.64	8.07	4.73
125	TiH THCS và THPT Quốc tế á Châu	8.10	6.45	1.65	6.27	6.10	6.14	5.80	5.61	5.62	7.04	8.29	7.19
126	THPT Võ Trường Toản	7.92	6.27	1.65	6.72	5.94	5.91	5.50	4.79	5.24	7.23	8.38	6.72
127	THPT Vĩnh Lộc B	7.06	5.42	1.64	5.20	5.18	4.92	5.18	5.06	4.54	6.30	8.25	4.11
128	THPT Trần Quốc Toản	7.07	5.44	1.63	4.29	5.48	5.75	4.81	6.13	3.89	6.20	7.80	4.59
129	THPT Nguyễn Tất Thành	7.05	5.42	1.63	5.17	5.58	5.13	4.90	4.07	4.55	6.20	8.22	4.99
130	THPT Thành Nhân	7.77	6.14	1.63	7.47	5.85	6.49	6.49	5.16				5.42
131	THPT Tân Bình	7.40	5.79	1.61	5.91	6.05	5.38	5.21	4.55	4.61	6.45	8.13	5.83
132	Song ngữ Quốc tế Horizon	7.24	5.63	1.60	5.09	5.15	4.10	5.05	5.45	4.50	6.21	8.29	6.85
133	THCS và THPT Đinh Tiên Hoàng	6.98	5.38	1.60	5.10	5.25	5.19	5.48	4.91	4.23	6.19	7.96	4.08
134	THPT Cần Thạnh	7.38	5.78	1.60	5.71	5.89	5.13	5.77	5.23	4.88	6.19	8.19	5.05
135	THPT Nguyễn An Ninh	7.14	5.57	1.57	5.34	5.30	5.00	4.73	4.72	4.58	6.58	8.39	5.46
136	THPT Phạm Văn Sáng	7.00	5.43	1.57	5.15	6.18	4.59	4.72	4.48	4.61	6.30	8.20	4.65
137	THPT Lương Thế Vinh	8.15	6.60	1.55	6.79	6.28	5.93	5.64	4.99	6.11	7.50	8.40	7.75
138	THPT An Nhơn Tây	7.28	5.74	1.55	5.25	6.02	5.49	5.21	4.85	4.99	6.63	8.18	4.99
139	THPT Thủ Đức	7.76	6.21	1.54	6.51	5.65	5.88	5.54	4.93	5.33	7.09	8.57	6.42
140	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	8.34	6.80	1.53	6.67	5.55	6.41	6.68	5.46	5.86	7.55	8.65	8.39
141	THPT Lê Thánh Tôn	7.05	5.52	1.53	5.22	5.91	4.76	5.37	4.70	4.45	6.16	8.08	4.99
142	THPT Bình Phú	7.65	6.13	1.52	6.19	6.15	5.91	5.56	4.87	4.92	6.96	8.19	6.38
143	THPT Hàn Thuyên	7.15	5.63	1.52	5.66	5.92	5.40	5.04	4.33	4.48	6.48	7.86	5.48
144	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	8.71	7.19	1.51	8.07	6.44	6.37	7.03	6.50	5.92	7.05	8.56	8.79
145	THPT Nguyễn Trãi	7.47	5.96	1.51	5.96	6.52	5.83	4.58	4.67	4.91	6.49	8.24	6.48
146	THPT Tạ Quang Bửu	7.01	5.54	1.46	5.47	5.82	5.37	5.09	4.31	4.33	6.45	8.05	4.98
147	THPT Nguyễn Công Trứ	8.17	6.71	1.46	7.49	6.25	6.46	6.01	5.27	5.88	7.06	8.37	7.60
148	THPT Lý Thường Kiệt	7.42	5.97	1.46	6.01	6.23	5.87	5.30	4.95	4.79	6.41	8.12	6.01

STT	TRƯỜNG	ĐTB Lớp 12	BQ các môn thi	Độ lệch	TOÁN	VĂN	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	NN
149	THPT Nguyễn Thị Diệu	7.23	5.78	1.45	5.67	5.81	5.33	5.10	4.34	4.53	6.90	8.00	6.31
150	THPT Hoàng Hoa Thám	7.55	6.10	1.45	6.17	6.08	5.51	5.27	4.59	4.95	7.08	8.29	6.95
151	THPT Hiệp Bình	7.04	5.59	1.45	5.46	5.29	5.20	4.86	4.46	4.73	6.60	8.35	5.33
152	THPT Tân Thông Hội	7.17	5.74	1.43	5.64	5.79	5.29	5.64	5.00	4.78	6.61	8.15	4.75
153	THPT Nguyễn Hữu Huân	8.05	6.63	1.42	7.29	5.79	6.57	6.45	5.40	5.38	7.11	8.17	7.50
154	Phổ thông Năng khiếu	8.81	7.39	1.42	8.16	5.91	6.43	7.57	7.10	6.27	7.68	8.59	8.82
155	THPT Nguyễn Thái Bình	7.14	5.74	1.40	5.83	6.00	5.42	4.84	4.44	4.49	6.50	7.93	6.18
156	THPT Mạc Đĩnh Chi	7.97	6.56	1.40	7.33	5.95	6.04	6.69	5.55	5.22	6.97	7.97	7.35
157	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	8.05	6.65	1.40	7.33	6.29	6.05	6.25	5.48	5.28	6.98	8.27	7.94
158	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	7.24	5.85	1.39	5.94	5.78	5.80	5.63	4.84	4.38	6.37	8.30	5.65
159	THCS và THPT Nguyễn Khuyến	8.33	6.94	1.38	8.34	6.28	7.14	7.30	5.70				6.92
160	THPT Nguyễn Hữu Tiến	7.00	5.63	1.36	5.48	6.11	5.02	4.87	4.67	4.43	6.74	8.06	5.31
161	THPT Tây Thạnh	7.62	6.28	1.34	6.79	6.16	5.88	5.62	4.93	5.30	7.21	8.08	6.57
162	THPT Thực hành Đại học Sư phạm	8.35	7.02	1.34	7.72	6.33	6.72	6.18	5.95	5.63	7.34	8.80	8.50
163	THPT chuyên Lê Hồng Phong	8.80	7.49	1.31	8.21	6.82	6.91	7.73	6.78	6.16	7.64	8.57	8.58
164	THPT Marie Curie	7.23	5.94	1.29	5.95	5.88	5.64	5.12	4.70	4.99	6.44	8.01	6.74
165	THPT Trường Chinh	7.10	5.83	1.27	5.72	6.26	5.46	5.43	4.49	4.55	6.63	8.47	5.41
166	THPT Hùng Vương	7.37	6.11	1.26	6.39	6.21	5.53	5.37	5.02	5.02	6.75	8.11	6.58
167	THPT Phú Nhuận	7.91	6.66	1.25	7.36	6.39	6.43	5.90	5.15	5.43	6.98	8.37	7.94
168	THCS, THPT Ngôi Sao	7.86	6.62	1.24	6.79	6.75	6.19	5.65	5.67	5.45	7.80	8.36	6.93
169	THPT Trần Khai Nguyên	7.86	6.66	1.20	6.96	6.21	6.21	6.41	5.26	5.79	7.34	8.64	7.09
170	THPT Đông Dương	7.32	6.12	1.20	6.72	6.00	5.88	4.86	4.48	6.19	7.45	8.43	5.06
171	THPT Nguyễn Chí Thanh	7.34	6.17	1.17	6.41	6.30	5.77	5.38	4.92	5.02	6.73	8.18	6.84
172	THPT Nguyễn Thượng Hiền	8.29	7.12	1.17	8.07	6.47	6.57	6.62	5.88	5.98	7.21	8.77	8.52
173	THPT Trưng Vương	7.45	6.34	1.11	6.80	6.10	6.15	5.49	4.74	5.33	6.95	8.09	7.44

STT	TRƯỜNG	ĐTB Lớp 12	BQ các môn thi	Độ lệch	TOÁN	VĂN	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	NN
174	THPT Nguyễn Hiền	7.63	6.52	1.11	6.71	6.02	6.24	6.26	5.04	5.56	7.17	8.60	7.08
175	THPT Bùi Thị Xuân	8.00	6.96	1.04	7.78	6.29	6.68	6.35	5.79	6.12	7.03	8.46	8.12
176	THPT Trần Quang Khải	6.90	5.86	1.04	5.90	5.76	5.33	5.11	4.52	5.05	6.92	8.18	6.01
177	THPT Nguyễn Hữu Cánh	7.22	6.21	1.01	6.03	6.53	5.76	5.77	5.01	6.07	6.61	8.57	5.50
178	THPT Nguyễn Du	7.59	6.59	1.00	7.14	5.96	6.14	5.72	5.32	5.65	7.47	8.17	7.71
179	THPT Đại học Sài Gòn	7.59	6.63	0.97	7.06	6.49	5.83	5.99	5.52	5.52	7.12	8.43	7.67
180	THPT Nam Sài Gòn	7.29	6.35	0.94	6.05	5.24	6.63	5.74	5.70	5.08	7.21	8.73	6.75
181	THPT Nguyễn Khuyến	7.55	6.62	0.92	7.14	5.91	6.19	5.99	5.76	5.52	7.17	8.41	7.51
182	THPT Trần Phú	7.63	6.81	0.82	7.45	6.50	6.43	6.14	5.36	6.18	7.38	8.27	7.59
183	THPT Nguyễn Hữu Cầu	7.35	6.79	0.56	7.37	6.44	6.42	6.37	5.76	5.52	7.47	8.44	7.33
	Bình quân	7.65	5.66	1.99	3.91	4.91	4.22	4.24	4.27	4.13	5.60	6.47	4.28